

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 624/2024/HC-PT

Ngày: 22/11/2024

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 457/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2024/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12339/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Châu Văn T, sinh năm 1964 và ông Châu Quang Đ (Châu Văn Đ1), sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trương Xuân H, Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Q: Ông Đỗ Tuấn N, luật sư Chi nhánh Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V: Ông Nguyễn Đức M, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V: Ông Nguyễn Tiến Q, chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường huyện V và bà Phạm Thị Linh C, chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện V; đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quốc T1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Đức L; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3. Bà Trương Thị Y; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Tú A; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Phạm Văn A1; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Đặng Thị M1; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đức L và bà Đặng Thị M1: Bà Phạm Thị Tuyết T2; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Ông Châu Văn T, ông Châu Quang Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện trình bày:

Cuối năm 1989, ông Phạm Văn A1, Châu Văn T và Châu Quang C1 (tức Châu Văn C2 - em trai ông Châu Quang Đ) góp tiền cùng mua lại khu nhà kho, cửa hàng thanh lý của Công ty lương thực huyện C, tại xã Đ, huyện C (cũ) - nay là xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Theo Hợp đồng nhượng bán tài sản thanh lý, diện tích nhà ở là 288 m² (bao gồm: một dãy nhà 4 gian và một dãy nhà 12 gian), diện tích đất là 1.908 m². Sau khi nộp đủ tiền cho ngân sách, vào ngày 20

tháng 01 năm 1990 thì nhận bàn giao mặt bằng. Sau đó ông Châu Quang C1 (tức Châu Văn C2) đã cho lại phần nhà và đất đã mua cho anh trai là ông Châu Quang Đ (tức Châu Văn Đ1). Khi nhận nhà đất về ở, ông T, ông Đ1 phát hiện hộ ông Phạm Đức L có đào ao trái phép trên phần đất ông T, ông Đ1 đã được bàn giao nên ông T, ông Đ1 có làm đơn gửi các cấp chính quyền để giải quyết.

Ngày 26 tháng 5 năm 1990, UBND huyện C (cũ) đã tiến hành họp giải quyết tranh chấp đất đai và ban hành Thông báo *“V/v giải quyết đất đai khu dân cư kho lương thực Đông Xá cũ”* cho ông T, ông Đ1 như sau: *“a) Giao cho hộ ông L quản lý và sử dụng bức tường xây thuộc tài sản của công ty lương thực cũ và làm đường ranh giới giữa hộ ông L với đường đi phía ngoài.*

b) Đình chỉ và thu hồi lại phần đất ông L đã đào ao trái phép...”

Sau khi UBND huyện C (cũ) giải quyết tranh chấp và có thông báo nêu trên thì ông Phạm Đức L vẫn cố tình lấn chiếm đất mà không trả lại cho ông T, ông Đ1 theo thông báo giải quyết đất đai khu dân cư kho lương thực Đông Xá cũ của UBND huyện C (cũ).

Ông T, ông Đ1 được biết, cuối năm 2021, ông Phạm Đức L đã kê khai xin cấp GCNQSDĐ phần đất mà UBND huyện C (cũ) đã giao cho ông T, ông Đ1 sử dụng. Do đó, ông T, ông Đ1 không đồng ý ký giáp ranh để ông Phạm Đức L hoàn thiện hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ.

Ngày 20/01/2022, UBND xã Đ tiến hành hoà giải tranh chấp đất đai giữa ông Phạm Đức L với ông T, ông Đ1, nhưng hoà giải không thành. Ngày 23/02/2022, ông T, ông Đ1 có đơn yêu cầu UBND huyện V giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông T, ông Đ1 với ông Phạm Đức L. Ông T, ông Đ1 yêu cầu UBND huyện V giải quyết buộc ông Phạm Đức L trả cho ông T, ông Đ1 255,9 m² đất, tại thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh theo diện tích và ranh giới mà ông T, ông Đ1 đã mua của Công ty Lương thực huyện C (cũ) và theo thông báo về việc giải quyết đất đai khu dân cư kho lương thực Đông Xá cũ của UBND huyện C (cũ).

Ngày 18/10/2022, UBND huyện V ban hành Quyết định số 5572/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận yêu cầu của ông T, ông Đ1 cho nên ông T, ông Đ1 tiếp tục có đơn khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết. Ngày 25/08/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2513/QĐ-UBND giải quyết *“Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Châu Văn T và ông Châu Văn Đ1 tranh chấp đất đai với ông Phạm Đức L tại thửa đất số 5 tờ bản đồ địa chính số 32, tại thôn Đ, xã Đ, huyện V”*.

Ông T, ông Đ1 nhận thấy, Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông T, ông Đ1 về việc xem xét lại Quyết định số 5572/QĐ-

UBND ngày 18/10/2022 của UBND huyện V và giải quyết buộc ông Phạm Đức L trả cho ông T, ông Đ1 255,9 m² đất, tại thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32 thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh là không đúng quy định của pháp luật bởi vì:

- Ông T, ông Đ1 mua nhà thanh lý của Công ty Lương thực huyện C (cũ) có Hợp đồng nhượng bán tài sản thanh lý năm 1989, Biên bản bàn giao ngày 20/01/1990. Diện tích tranh chấp với ông Phạm Đức L là diện tích đất nằm trong khuôn viên nhà thanh lý ông T, ông Đ1 đã mua theo Hợp đồng nhượng bán tài sản thanh lý năm 1989 và Biên bản bàn giao ngày 20/01/1990. Sau khi ông T, ông Đ1 mua thì phát sinh tranh chấp. Tranh chấp đã được UBND huyện C (cũ) giải quyết theo Thông báo ngày 26/05/1990. Giấy tờ ông T, ông Đ1 mua bán tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất năm 1989 và Thông báo giải quyết đất đai ngày 26/10/1990 của UBND huyện C đã có đủ căn cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp ông T, ông Đ1 đã mua.

- Bản đồ địa chính năm 2011 không phải là cơ sở pháp lý để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nguyễn Đức L1.

- Kết quả lồng ghép bản đồ địa chính năm 2011 xác định thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32, nằm ngoài diện tích, kích thước theo sơ đồ cụm dân cư khu lương thực cũ lập ngày 02/05/1992 là không chính xác; Khi UBND huyện V, UBND xã Đ tiến hành kiểm tra hiện trạng lồng ghép bản đồ đã không thông báo cho ông T, ông Đ1 biết; Sơ đồ cụm khu dân cư lập năm 1992 nhưng ông T, ông Đ1 đã mua từ năm 1989 thì không thể chỉ căn cứ vào sơ đồ lập sau để giải quyết.

- Tại thời điểm năm 1990, Luật Đất đai không có quy định bắt buộc phải ban hành bằng hình thức Quyết định thu hồi đối với ông Phạm Đức L; Thông báo năm 1990 của UBND huyện C đã chứa đựng nội dung thu hồi đất đối với ông Phạm Đức L cho nên Thông báo có giá trị như Quyết định.

Vì vậy, ông T, ông Đ1 khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 5572/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L tại thôn Đ, xã Đ, huyện V và Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L (lần hai); buộc Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết lại tranh chấp đất đai giữa ông Châu Văn T, ông Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L theo đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản ý kiến và bản tự khai cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Q có quan điểm:

Theo xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của UBND xã Đ tại các Văn bản số 221/UBND ngày 17/8/2022; Văn bản số 29/UBND ngày 26/01/2022 và nội dung các biên bản làm việc về việc giải quyết khiếu nại của ông Châu Văn T trú tại thôn Đ, xã Đ thể hiện nội dung: Khu đất trên trước đây là gò cát thuộc khu vực do hợp tác xã Đ3 quản lý, sử dụng (sản xuất tàu thuyền, lò rèn) sau đó năm 1981 hộ ông Phạm Đức L khai hoang để làm xưởng bóng đèn, năm 1982 gia đình ông L đào ao nuôi cá; Năm 1990 gia đình ông L lấp ao để trồng cây lâu năm cho đến nay; Năm 2021 khi ông L làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các hộ không ký giáp ranh, phát sinh tranh chấp đất đai. Hiện nay thửa đất được xây bằng tường gạch ba banh bao quanh ranh giới thửa đất.

Ông Châu Văn T, Châu Quang Đ cho rằng Hợp đồng nhượng bán tài sản thanh lý năm 1989 đã xác định thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32, diện tích là 255,9 m² là một phần của khu đất theo Hợp đồng nhượng bán tài sản thanh lý năm 1989. Ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ xác định thời điểm bắt đầu quản lý, sử dụng từ năm 1991 sau khi có thông báo năm 1990 của UBND huyện C (Theo nội dung đã đình chỉ và thu hồi lại phần đất ông L đã đào ao trái phép) đến năm 2016. Lý do không quản lý và sử dụng được do năm 2016 ông L đổ đất lấp ao, trồng cây. Sau đó ông L tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay.

Tuy nhiên nội dung này đối chiếu các tài liệu, căn cứ do Đ2 xác minh thu thập được có sự mâu thuẫn, thiếu cơ sở. Cụ thể như sau:

- Số liệu thống kê về diện tích “cả nhà và đất” ghi trong Hợp đồng nhượng bán tài sản thanh lý năm 1989 (do các hộ khiếu nại cung cấp) chưa đúng và phần mô tả các phía tiếp giáp không rõ ràng, không có sơ đồ kèm theo bản Hợp đồng thanh lý. Mặt khác ba hộ gồm: Châu Văn T, Châu Quang Đ và Phạm Văn A1 mua nhà thanh lý có ranh giới sử dụng ổn định (tường rào bao quanh) và đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Ông T và ông Đ cho rằng tại thông báo năm 1990 của UBND huyện C đã đình chỉ và thu hồi lại phần đất ông L đã đào ao trái phép. Tuy nhiên chưa có quyết định thu hồi và ông Phạm Đức L vẫn tiếp tục sử dụng đến năm 2021 (có tường bao quanh và trồng cây) ông Phạm Đức L hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bắt đầu phát sinh tranh chấp.

- Các hộ Châu Văn T, Châu Quang Đ và Phạm Văn A1 mua nhà kho lương thực Đông Xá (thuộc tài sản của Công ty L) chỉ được giải quyết nội bộ không quá 400 m² đất sử dụng (kể cả diện tích đất của nhà, sân), diện tích đất dư thừa tạm giao cho hộ ông Phạm Văn A1 quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển nông nghiệp và phải nộp thuế nông nghiệp theo quy định của nhà nước. Tuy nhiên, đến nay ông Phạm Văn A1 không có ý kiến gì về thửa đất ông Châu Văn T, ông Châu Quang Đ tranh chấp với ông Phạm Đức L; mặt khác ranh giới, diện tích theo hiện trạng sử dụng của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ đã được thanh lý có kết quả chiều dài và chiều rộng, diện tích đã đầy đủ với các nội dung trong Thông báo năm 1990 của Ủy ban nhân dân huyện C, diện tích 803,4 m².

- Kết quả lồng ghép với Bản đồ địa chính năm 2011: Thửa đất số 5, tờ BĐDC số 32, nằm ngoài diện tích, kích thước theo sơ đồ cụm dân cư khu lương thực cũ lập ngày 02/5/1992, diện tích là 1.200 m² (mặt đường là 47 m, chiều sâu là 28 m).

- Tại hồ sơ cấp giấy CNQSD đất năm 2007 thửa đất của ông Châu Quang Đ - Trương Thị Y trong trích lục sơ đồ thửa đất có thể hiện thửa đất giáp ranh là đất vườn ông Phạm Đức L.

- Theo bản mô tả, ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2011 thành lập Bản đồ địa chính, đối với thửa đất của ông Châu Văn T và thửa đất ông Châu Quang Đ, các chủ liên kề đã ký xác nhận (trong đó có ông Phạm Đức L).

- Ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ cho rằng khoảng năm 1991 gia đình anh em các ông có đào hố vôi trên phần thửa đất đó số lượng 02 tấn vôi ướm để đóng gạch. Gia đình ông Đ vẫn thường xuyên đóng gạch trên thửa đất đó từ năm 1991 cho đến năm 2016. Tuy nhiên không có tài liệu bằng chứng để chứng minh.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 91, Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; căn cứ hồ sơ tài liệu liên quan và việc xác định nguồn gốc đất của UBND xã Đ cho thấy:

- Các giấy tờ do ông Châu Văn T và ông Châu Văn Đ1 cung cấp không phải là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Số liệu thống kê về diện tích “cả nhà và đất” ghi trong Hợp đồng nhượng bán tài sản thanh lý năm 1989 (do các hộ khiếu nại cung cấp) chưa đúng và phần mô tả các phía tiếp giáp không rõ ràng, không có sơ đồ kèm theo bản Hợp đồng thanh lý; diện tích đất của ba hộ Châu Văn T và ông Châu Quang

Đ và ông Phạm Đức L mua nhà thanh lý có ranh giới sử dụng ổn định (tường rào bao quanh) và đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Năm 2011 đo vẽ thiết lập Bản đồ địa chính đối với thửa đất của ông Châu Văn T và thửa đất ông Châu Quang Đ, các chủ liên kề đã ký xác nhận (trong đó có ông Phạm Đức L) và hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất năm 2007 thửa đất của ông Châu Quang Đ - Trương Thị Y trong trích lục sơ đồ thửa đất có thể hiện thửa đất giáp ranh là đất vườn ông L.

- Ranh giới, diện tích đất theo hiện trạng sử dụng của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ đã được thanh lý có kết quả chiều dài và chiều rộng, diện tích đầy đủ với các nội dung theo Thông báo năm 1990 của Ủy ban nhân dân huyện C (diện tích 803,4 m²).

- Kết quả lồng ghép với Bản đồ địa chính năm 2011: Thửa đất số 5, tờ BĐDC số 32, nằm ngoài diện tích, kích thước theo sơ đồ cụm dân cư khu lương thực cũ lập ngày 02/5/1992, diện tích là 1.200 m² (mặt đường là 47 m, chiều sâu là 28 m).

Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 “Về việc giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L” với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Châu Văn T và ông Châu Văn Đ1 là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản ý kiến và bản tự khai cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V có quan điểm: Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 5572/QĐ-TC ngày 18/10/2022 về việc giải quyết tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L không chấp nhận nội dung tranh chấp của ông T, ông Đ là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V có quan điểm: Giữ nguyên nội dung xác nhận về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với hộ ông Châu Văn T, Châu Văn Đ1 và ông Phạm Đức L tại các Văn bản số 29/UBND ngày 26/01/2022, Văn bản số 221/UBND ngày 17/8/2022 của UBND xã Đ.

- Ông Phạm Đức L và bà Đặng Thị M1 có quan điểm: Ngày 02/8/2021 và ngày 10/01/2022, ông Phạm Đức L có Đơn đề nghị gửi UBND xã Đ, Trung tâm hành chính công huyện V, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V về việc xin cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32, loại đất trồng cây hàng năm, diện tích 255,9 m², địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã Đ,

huyện V. Thửa đất trên được gia đình ông L khai phá từ khi chuyển từ xã Q vào V năm 1980. Năm 1981, gia đình ông L làm bóng đèn, năm 1982 đào ao nuôi cá, năm 1990 lấp ao để trồng cây lâu năm cho đến nay. Hiện tại thửa đất được bao quanh bằng tường gạch ba banh. Thời điểm khai hóa thửa đất cách kho tạm của khu lương thực 20 m, không có tranh chấp về ranh giới. Tại Đơn đề nghị ngày 02/8/2021 đã có xác nhận của các hộ cư trú trên địa bàn trước năm 1980 về quá trình sử dụng đất của hộ ông L và tại Đơn đề nghị ngày 10/01/2022 cũng có xác nhận của cán bộ nhân viên Phòng Lương thực.

Trong quá trình giải quyết thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định, do thửa đất giáp ranh với 5 hộ gia đình, trong đó có 3 gia đình đã ký giáp ranh, hiện còn hộ ông T, ông Đ1 không ký giáp ranh. Vì vậy, ngày 15/11/2021, ông L đã đề nghị UBND xã Đ mời các hộ không ký giáp ranh để hòa giải. UBND xã Đ đã tiến hành xác minh nguồn gốc thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32, đã làm việc với các hộ và đã tổ chức buổi hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông L, ông T nhưng hòa giải không thành. Ông L, bà M1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Bà Trương Thị Y, bà Nguyễn Thị Tú A có quan điểm: Đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ.

- Ông Phạm Văn A1 không có quan điểm.

Người làm chứng ông Nguyễn Kiên T3 có quan điểm: Ông T3 công tác tại Công ty L từ năm 1980. Năm 1989, Công ty T tài sản nhà đất cho ông Nguyễn Văn A2, ông Châu Văn T, ông Châu Quang C1 diện tích hơn 2.000 m². Đến năm 1990 lập biên bản bàn giao. Ông T3 là người ghi biên bản. Đến năm 1992, Phòng Công nghiệp lập sơ đồ cụm dân cư khu kho lương thực cũ diện tích thực tế là 1.200 m² (phần ABCD), sơ đồ có chữ ký của cán bộ Phòng Công nghiệp và Chủ tịch UBND huyện C. Đây chính là diện tích công ty thanh lý cho ông A2, ông T, ông C1. Diện tích hiện nay ông L đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông L sử dụng từ khoảng năm 1980 làm xưởng bóng đèn, năm 1982 ông L đào ao nuôi cá, sau đó lấp ao tạo mặt bằng. Diện tích này là bến bãi của Công ty L, nhưng không nằm trong diện tích thanh lý cho ông A2, ông T, ông C1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2024/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ (C) về các yêu cầu: Hủy Quyết định số 5572/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L tại thôn Đ, xã Đ, huyện V và Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L (lần hai); buộc Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết lại tranh chấp đất đai giữa ông Châu Văn T, ông Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/7/2024, người khởi kiện là ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Hủy Quyết định số 5572/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L tại thôn Đ, xã Đ, huyện V và Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L (lần hai); buộc Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết lại tranh chấp đất đai giữa ông Châu Văn T, ông Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Q là luật sư Đỗ Tuấn N đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn T và Châu Quang Đ (C) là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ (Châu Văn Đ1) có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Q vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có mặt người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp là luật sư Đỗ Tuấn N; người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Về thẩm quyền, đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ (Châu Văn Đ1) khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5572/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T, Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L tại thôn Đ, xã Đ, huyện V và Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai của ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L (lần hai); đồng thời buộc Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết lại tranh chấp đất đai giữa ông Châu Văn T, ông Châu Quang Đ với ông Phạm Đức L theo đúng quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 5572/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 2513/QĐ-UBND).

Đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 5572/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 2513/QĐ-UBND.

Ngày 02/8/2021, ông Phạm Đức L có Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32, tại thôn Đ, xã Đ, huyện V với diện tích 255,9 m². Ngày 10/01/2022, ông L có đơn đề nghị UBND xã Đ giải quyết tranh chấp đất đai với hộ ông Châu Văn T và Châu Quang Đ, do ông T, ông Đ không ký giáp ranh để làm hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông L. Trên cơ sở thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập hồ sơ, tài liệu có liên quan về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, UBND xã Đ đã thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và ngày 20/01/2022, UBND xã Đ đã tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông L và ông T, ông Đ nhưng hòa giải không thành.

Ngày 23/02/2022, ông T, ông Đ có Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai gửi UBND huyện V, yêu cầu UBND huyện V giải quyết buộc ông L trả lại 255,9 m² đất tại thửa số 5, tờ bản đồ địa chính số 32 tại xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh cho ông T, ông Đ theo diện tích và ranh giới ông T, ông Đ đã mua của Công ty Lương thực huyện C và theo thông báo về việc giải quyết đất đai khu dân cư kho lương thực Đông Xá cũ của UBND huyện C.

Sau khi nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của ông T, ông Đ, UBND huyện V đã tiến hành làm việc, xác minh nội dung tranh chấp. Ngày 18/10/2022, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 5572/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận nội dung tranh chấp đất đai của ông T, ông Đ. Không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 5572/QĐ-UBND, ngày 01/11/2022, ông T, ông Đ tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Q. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã tiến hành hành thụ lý giải quyết khiếu nại, ban hành quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại...; Ngày 25/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2513/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông T, ông Đ tranh chấp đất đai với ông L tại thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32, tại thôn Đ, xã Đ, huyện V.

Như vậy, Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 5572/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 2513/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 58 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[2.2] Xét nội dung khởi kiện:

[2.2.1] Thửa đất đang tranh chấp là thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32, diện tích 255,9 m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình nào.

Năm 1989, ông Phạm Văn A1, ông Châu Văn T, ông Châu Văn C2 và Công ty Lương thực huyện C ký Hợp đồng nhượng bán tài sản thanh lý, theo đó ông A1, ông T, ông C2 nhận mua nhà thuộc khu C thuộc Công ty Lương thực huyện C, diện tích nhà 288 m², diện tích đất 1.908 m², phía trước 2.000 m², phía sau 96 m², tổng diện tích cả nhà và đất 2.296 m². Ông A1, ông T, ông C2 đã thanh toán đủ số tiền 3.900.000 đồng và ngày 20/01/1990, các bên đã lập biên bản bàn giao khu nhà kho Đông Xá và toàn bộ đất đai gồm: khu nhà kho diện tích 216 m², khu nhà ở diện tích 72 m² và mô tả diện tích phần đất còn lại, nhưng không có sơ đồ kèm theo. Sau đó, ông C2 đã cho anh trai là ông Đ phân nhà, đất đã mua.

Trong quá trình sinh sống, giữa ông T, ông Đ và ông L phát sinh tranh chấp. Năm 1990, UBND huyện C ban hành Thông báo về việc giải quyết đất đai khu dân cư kho lương thực Đông Xá cũ giữa ông T, ông Đ và ông L, trong đó có nội dung: *“03 hộ mua nhà kho lương thực Đông Xá chỉ được giải quyết nội bộ không quá 400 m² đất sử dụng (kể cả diện tích đất của nhà, sân)... 03 hộ mua nhà kho lương thực phải liên hệ với phòng Công nghiệp để làm thủ tục giấy phép về sử dụng đất của từng hộ và phải nộp lệ phí cấp đất theo quy định của Nhà nước”*. Trên cơ sở thông báo của UBND huyện C, ngày 02/5/1992, phòng Công nghiệp huyện C đã lập sơ đồ cụm dân cư khu kho lương thực cũ, có xác nhận của UBND huyện C, với diện tích khu đất khu lương thực cũ thuộc xã Đ có chiều dài theo mặt đường 47 m, chiều sâu 28 m, tổng diện tích 1.200 m².

[2.2.2] Tại Sơ đồ đo đạc kèm theo biên bản thẩm định của Tòa án thể hiện: Phần diện tích 1.200 m² đất của khu lương thực cũ hiện nay UBND huyện V đã cấp GCNQSDĐ cho 05 hộ gồm: hộ ông Châu Quang Đ (292 m² đất ở); hộ ông Châu Văn T (257,7 m² đất ở); hộ ông Nguyễn Văn A2 (553,4 m², trong đó 400 m² đất ở và 153,4 m² đất trồng cây lâu năm), hộ ông Nguyễn Tiến D (152,1 m² đất ở) và hộ ông Vũ Văn N1 (564,9 m², trong đó 397,4 m² đất ở và 167,5 m² đất trồng cây lâu năm). Tổng diện tích đất của 05 hộ được cấp GCNQSDĐ lớn hơn diện tích 1.200 m² đất của khu lương thực cũ (theo sơ đồ lập năm 1992). Đồng thời, sơ đồ đo đạc cũng thể hiện diện tích thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32 nằm ngoài diện tích đất của khu lương thực cũ.

Tại hồ sơ cấp GCNQSDĐ năm 2007 của ông Đ, trong trích lục sơ đồ thửa đất có thể hiện thửa đất giáp ranh là đất vườn của ông L. Tại các hồ sơ địa chính năm 2011, bản mô tả ranh giới mốc giới thửa đất của ông T, ông Đ, ông D đều

thể hiện giáp ranh phía sau là thửa đất của ông L, có chữ ký của ông L xác nhận là hộ liền kề. Tại Bản đồ địa chính xã Đ phê duyệt năm 2012 thì thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32 ghi tên chủ sử dụng đất là ông L. Đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm, ông T, ông Đ cũng thừa nhận là người xây bức tường rào ngăn cách với thửa đất mà gia đình ông L đang sử dụng.

Ranh giới, diện tích đất theo hiện trạng sử dụng của ông Châu Văn T, ông Châu Quang Đ đã được thanh lý có kết quả chiều dài và chiều rộng, diện tích đầy đủ với các nội dung trong Thông báo năm 1990 của UBND huyện C (diện tích 803,4 m²).

Kết quả lồng ghép với Bản đồ địa chính năm 2011: Thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32, nằm ngoài diện tích, kích thước theo sơ đồ cụm dân cư khu lương thực cũ lập ngày 02/05/1992, diện tích là 1.200 m² (mặt đường là 47 m, chiều sâu là 2 8m).

[2.2.3] Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 06/9/2022 do đại diện UBND xã Đ làm việc với ông Đặng Thanh S – trưởng thôn Đông Thắng, ông Hoàng Kim Q1 – nguyên Giám đốc Công ty Lương thực huyện C, ông Đinh Văn T4 – cán bộ thống kê kế hoạch của Công ty L, ông Lê V – nguyên kế toán trưởng Công ty L đều xác nhận khu đất của Công ty L trước đây nhượng cho các ông Phạm Văn A1, Châu Văn T, Châu Văn C2 không bao gồm thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32. Đồng thời xác nhận nguồn gốc thửa đất số 5, tờ bản đồ địa chính số 32 do ông L khai phá sử dụng từ năm 1980, trước thời điểm Công ty L khu đất cho các hộ dân; diện tích chênh lệch giữa Hợp đồng nhượng bán tài sản thanh lý năm 1989 (ghi là 1.908 m²) với khu đất theo sơ đồ cụm dân cư kho lương thực cũ năm 1992 (ghi là 1.200 m²) là do năm 1989 khi nhượng bán chưa đo đạc lại diện tích khu đất. Nội dung xác nhận này cũng phù hợp với nội dung xác nhận về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với hộ ông L tại các Văn bản số 29/UBND ngày 26/01/2022, Văn bản số 221/UBND ngày 17/8/2022 của UBND xã Đ, cụ thể: Khu đất trên trước đây là gò cát thuộc khu vực do hợp tác xã Đ3 quản lý, sử dụng (sản xuất tàu thuyền, lò rèn) sau đó năm 1981 hộ ông L khai hoang để làm xưởng bóng đèn, năm 1982 gia đình ông L đào ao nuôi cá; năm 1990 gia đình ông L lấp ao để trồng cây lâu năm cho đến nay; năm 2021 khi ông L làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ các hộ không ký giáp ranh, phát sinh tranh chấp đất đai. Hiện nay thửa đất được xây bằng tường gạch ba banh bao quanh ranh giới thửa đất.

[2.2.4] Với các tài liệu, chứng cứ đã được phân tích nêu trên; đồng thời xét thấy thửa đất đang tranh chấp, ông T, ông Đ không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013;

Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, do đó không có căn cứ xác định diện tích đất 255,9 m² (Thửa số 5, tờ bản đồ địa chính số 32 tại xã Đ, huyện V) thuộc quyền sử dụng đất của các ông Châu Văn T, Châu Quang Đ. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 5572/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai số 2513/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q được ban hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông Châu Văn T và Châu Quang Đ là có căn cứ.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[3] Về án phí, ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ đều là người cao tuổi và có yêu cầu xin được miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ (Châu Văn Đ1); giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2024/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí, ông Châu Văn T và ông Châu Quang Đ (Châu Văn Đ1) được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh